TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 9 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Kim Bình

Bà Phạm Thị Diệu

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Cầm Thị H; sinh năm: 1998; HKTT: Làng B, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã V, huyện X, tỉnh Thanh Hoá.

- *Bị đơn*: Anh Lê Văn Tú; sinh năm: 1994; HKTT: Làng B, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hoá; chỗ ở hiện nay: Làng B, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt chị H, anh T. Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Cầm Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn T kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 28/3/2018 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính

tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Ngoài ra, anh T không chịu tu chí làm ăn, thường xuyên chơi bời. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Lê Thị Tuệ L, sinh ngày 03/6/2018. Hiện đang ở với anh T. Ly hôn, chị giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị thay đổi quan điểm: chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ nay cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Lê Văn T để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh T không có mặt nên không có lời khai của anh T và các bên không thống nhất được các vấn đề cần giải quyết trong vụ án. Toà án đã thực hiện tống đạt các văn bản tố tụng cho bà Hà Thị T1 là mẹ đẻ của anh T, bà T1 đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng của Toà án và cam kết giao ngay, tận tay cho anh T.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật, anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên hoà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt cả hai bên đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 BLTTDS. Về giao nhận, tống đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Cầm Thị H được ly hôn anh Lê Văn T. Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Lê Thị Tuệ L, sinh ngày 03/6/2018. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 09/2022 cho đến khi cháu Lâm thành niên. Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú tại Làng

B, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Cầm Thị H đã có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh Lê Văn T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên hoà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án xét xử vắng mặt chị H, anh T theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T có đăng ký kết hôn ngày 28/3/2018 tại UBND xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hoá là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá thực trạng về quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Khi xảy ra mâu thuẫn anh chị không tìm ra biện pháp khắc phục mà đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin được ly hôn. Về phía anh T biết việc chị H làm đơn xin ly hôn và Toà án đã ra thông báo thụ lý vụ án, nhưng anh T không đến Toà án làm việc, không giao nộp văn bản nêu ý kiến, mặc dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và không đến tham gia phiên toà. Điều này thể hiện anh T không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và có ý bỏ mặc. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc, bền vững không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là Lê Thị Tuệ L, sinh ngày 03/6/2018, hiện đang sống cùng với anh T. Nguyện vọng của chị H khi ly hôn: anh T là người trực tiếp nuôi cháu L. HĐXX xét thấy, để không bị xáo trộn cuộc sống và đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét thấy mức đề nghị cấp dưỡng của chị H là phù hợp, buộc chị H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 09/2022 cho đến khi cháu L thành niên.

[4] Về tài sản: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83; 107; 110 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 482 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm

a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu, chị Cầm Thị H được ly hôn anh Lê Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng Lê Thị Tuệ L, sinh ngày 03/6/2018. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 09/2022 cho đến khi cháu L thành niên.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Cầm Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số AA/2021/0000172 ngày 20/6/2022. Chị H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị H, anh T. Chị H, anh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Văn Tình